

K TH V I N G I N H I M HIV/AIDS VÀ QUY N C A TR N H I M HIV/AIDS T I V I T NAM

HÀ THỨC D NG

BÙI C KÍNH

TÓM T T

Hì n nay, tình tr ng k th ng i nhi m HIV/AIDS tuy có gi m, nh ng v n còn r t cao trong c ng ng. i u này tác ng r t l n n i s ng và ch m sóc y t cho tr nhi m HIV. cho con em mình v n c n tr ng và h ng các quy n v ch m sóc y t nh m t tr bình th ng khác, gia ình có tr nhi m HIV th ng s d ng 5 mô th c sau: Né tránh, di chuy n, i u, cam ch u và v t qua k th. Trong n m mô th c này, “né tránh” hay “di chuy n” c nhi u ng i l a ch n, nh ng hoàn toàn không có l i cho tr , gia ình và xã h i. Còn “ i u” hay “v t qua k th” tuy ít ng i s d ng nh ng em l i hi u qu khá cao.

1. GI I THI U

HIV/AIDS ang là m i e d a l n Vi t Nam. N u n m 1990 Vi t Nam phát hi n ca nhi m HIV u tiên, thì 10 n m tr l i ây (2000-2010) s ca nhi m HIV c phát hi n tính theo bình quân/n m là 20.819 ng i, th m chí n m 2007 có n 30.456 ca nhi m HIV c phát hi n (y ban

Qu c gia, 2010, tr. 7). Tuy s ca nhi m HIV phát hi n h ng n m có gi m d n sau n m 2007, nh ng n n m 2010 v n còn phát hi n 9.128 tr ng h p m i, và “tính n ngày 30/9/2010, c n c có 180.312 ng i nhi m HIV v n còn s ng, chi m 0,21% dân s ” (y ban Qu c gia, 2010, tr. 7). S l ng ca nhi m HIV t ng nhanh làm cho công tác phòng ch ng càng khó kh n h n; c bi t khi b nh d ch lan r ng qua nhi u a bàn, nh ng n i mà công tác phòng ch ng và ch m sóc c n b nh này ch a c tri n khai t t. N u d ch b nh HIV/AIDS ban u ch có t i các thành ph l n, thì nay nó “ ã xu t hi n 100% t nh, thành ph , 97,8% s qu n, huy n và trên 74% s xã ph ng trong c n c” (y ban Qu c gia, 2010, tr. 5). Báo cáo c a y ban Qu c gia (2010, tr. 9-11) còn ch ra m t s xu h ng áng quan tâm khác nh : t l ng i nhi m HIV là n gi i và t l ng i nhi m HIV do lây truy n qua ng tình d c có xu h ng t ng, trong khi tu i c a ng i nhi m HIV l i có xu h ng gi m. Nh ng xu h ng trên cho th y HIV/AIDS ang và s là m t e d a l n i v i Vi t Nam. D ch b nh này, tính n 30/9/2010, không ch c p i sinh m ng c a 48.368 ng i (y ban Qu c gia, 2010, tr. 7), mà còn t o ra nhi u gánh n ng v v t ch t và tinh th n cho gia ình n n nhân và toàn xã h i.

Hà Thúc D ng. Th c s. Trung tâm Xã h i h c Vi n Khoa h c Xã h i vùng Nam B .

Bùi c Kính. Th c s. Trung tâm Nghiên c u Môi tr ng Vi n Khoa h c Xã h i vùng Nam B .

Ni s h i v c n b nh này ã vô tình đ ng nên các rào c n xã h i i v i ng i nhi m HIV/AIDS và gia ình h , t o thêm kho ng cách gi a con ng i v i nhau và làm thui ch t đ n lòng nhân ái. Tuy nhiên, n i s h i ó không vô c n c . *Th nh t*, do c n b nh này có tính nguy hi m và ch a có thu c ch a. *Th hai*, do t c i l y lan nhanh c a nó trong c ng ng (y ban Qu c gia, 2010, tr. 7). *Th ba*, b nh này ch y u l y lan qua ng tiêm chích ma túy và m i dâm (y ban Qu c gia, 2010, tr. 10), nh ng hành vi b coi là t n n xã h i và pháp lu t ng n c m ho c Nhà n c bu c ph i t p trung ch a tr i cai nghi n. *Th t*, do truy n thông i chúng trong giai o n u ã s đ ng các hình nh ch t chóc hay t n n xã h i gán cho HIV/AIDS (Khu t Thu H ng, 2009; Khu t Thu H ng, Nguy n Th Vân Anh và Ogden, 2004; Maher, 2007). *Th n m*, do s h i u bi t v HIV/AIDS c a dân chúng th m chí c a c cán b y t , còn h n ch (Khu t Th H i Oanh, 2008; Nancy Fee, 2004). *Th sáu*, do còn có s nghi ng v kh n ng ng i nhi m HIV/AIDS s c tình truy n b nh cho ng i khác “tr thù i”. Vì v y, n i s h i ã đ n bi n thành s k th và phân bi t i x v i ng i nhi m HIV/AIDS và gia ình h .

K th, theo mô t c a Link và Phelan (2001), là m t quá trình g m ba b c: Phân lo i nh ng ng i “ph ph m” ra kh i nh ng ng i “bình th ng” b ng phân bi t và dán nhãn, k ti p là liên h nh ng s khác bi t ó v i nh ng thu c tính x u và cu i cùng là tách “chúng ta” ra kh i “b n h ” (trích d n l i t ILO, 2004, tr. 10). K t qu c a quá trình này còn có th khi n cho các cá nhân ho c nhóm b k th t th a

nh n h x ng áng b i x t i t và b t công, khi n cho vi c ch ng l i s k th và phân bi t i x càng khó kh n h n (Parker và Aggleton, 2003, trích d n l i t ILO, 2004, tr. 10).

Theo ILO, “HIV và AIDS có t t c các c i m c a nh ng c n b nh b k th nh t” (ILO, 2004, tr. 11). S k th này c mô t nh là m t quá trình làm ‘m t giá’ c a ng i nhi m HIV/AIDS ho c ng i g ng i h . Ti p theo s k th là vi c phân bi t i x m t cách không công b ng, xâm ph m n các quy n c b n c a ng i nhi m HIV/AIDS ho c ng i g n g i h , nh quy n v chính tr, kinh t , v n hóa, xã h i, v.v. (ILO, 2004, tr. 11).

K th xu t phát t c ng ng, gia ình và t chính ng i nhi m HIV/AIDS (Khu t Thu H ng, 2009; Khu t Thu H ng và Nguy n Th Vân Anh, 2004; Nancy Fee, 2004). Khu t Thu H ng và c ng s (2008) cho th y, có nh ng c ng ng th hi n không mu n cho con em mình h c hay khám b nh chung v i các tr nhi m HIV/AIDS. Th m chí, nhân viên y t v n có bi u hi n k th v i b nh nhân HIV/AIDS, làm gi m ch t l ng ch m sóc và i u tr cho ng i nhi m HIV/AIDS (Khu t Th H i Oanh, 2008; Nancy Fee, 2004). Ngay c gia ình, ch đ a v ng ch c c a a s ng i Vi t Nam, v n có tr ng h p k th và b r i nh ng ng i thân b nhi m HIV/AIDS (Lisa Maher, 2002; Khu t Thu H ng, 2009; Nguy n Thu Anh, 2007). Chính s k th và phân bi t i x c a c ng ng và gia ình càng làm cho cu c s ng c a ng i nhi m HIV/AIDS thêm khó kh n, đ n n vi c t k th b n thân và có nh ng suy ngh tiêu c c nh t t hay hành ng ‘tr thù i’ (Khu t Th H i

Oanh, 2007; Khu t Thu H ng và c ng s , 2008; Nguy n Chí D ng, 2005).

S k th và phân bi t i x càng tr nên b t công h n, khi i u ó dành cho tr em, nh ng n n nhân c a các n n nhân. Nghiên c u c a Khu t Thu H ng và Nguy n Vân Anh (2004) cho th y nhi u tr em có cha m nhi m HIV b b n bè xa lánh, tr ng h c t ch i nh n vào h c. i v i các tr em nhi m HIV/AIDS thì s k th càng rõ ràng h n. i n hình nh tr ng h p 15 em nhi m HIV c a Trung tâm Mai Hòa, dù c tr ng ti u h c An Nh n ông m c a ón chào, nh ng nhi u ph huynh c a các bé khác ang h c t i tr ng ph n i gay g t (Thiên Ch ng, 2009). i u này vi ph m nghiêm tr ng n quy n tr em c a các tr nhi m HIV/AIDS t i Vi t Nam. Theo B Y t thì n m 2001, c n c phát hi n 40 tr s sinh lây HIV t m sang con; n cu i n m 2006 có kho ng trên 9.500 tr trong tu i 1-5 tu i ang s ng chung v i HIV (B Y t , 2006). Vì th , nghiên c u b o v quy n và l i ích h p pháp c a m t s l ng ngày càng t ng các tr em nhi m HIV/AIDS là m t nhi m v quan tr ng.

tìm hi u nguyên nhân c a v n này và xu th ng gi i quy t, nh m b o v tr em nhi m HIV/AIDS c i h c và ch m sóc y t , chúng tôi th c hi n nghiên c u i v i 699 ng i tr c ti p ch m sóc các bé nhi m HIV/AIDS t i b n c s y t Hà N i và TPHCM.

2. PH NG PHÁP NGHIÊN C U

2.1. a bàn nghiên c u

Hà N i và TPHCM là hai trung tâm ô th l n nh t c n c, v i h th ng ch m sóc y t c coi là t t nh t, và c ng là n i ch m

sóc ARV và ch ng trình LTMC u tiên t i Vi t Nam. Bên c nh tính u vi t v ch m sóc y t , hai n i này còn d 'bi n' m t ng i thành 'ng i vô danh', nên c coi là 'ch n bình yên' cho nh ng ng i b k th, có c m giác b ho c s b k th vì HIV/AIDS tìm v i u tr. a i m ti n hành nghiên c u là b n c s y t ang i u tr cho tr nhi m HIV t i Hà N i (B nh vi n Nhi Trung ng) và TPHCM (B nh vi n Nhi ng I, B nh vi n Nhi ng II và Phòng khám An Hòa).

2.2. Ch n m u, thu th p s li u và o c nghiên c u

M u nghiên c u là toàn b nh ng tr nhi m HIV n khám b n c s y t nêu trên theo sáu m c th i gian khám ch a b nh: D i 3 tháng; t 10 n 14 tháng; t 22 tháng n 26 tháng; t 34 n 38 tháng; 46 n 50 tháng; và 50 tháng tr lên.

ch n ra các i t ng này, nhóm nghiên c u làm vi c v i nhân viên y t ang ch m sóc các bé lên danh sách tr c khi xin h ng p. i v i tr ng h p d i 3 tháng (tr ng h p m i), nhóm nghiên c u dùng công c l i ti u s tìm hi u l ch s b nh và các s ki n áng chú ý trong gia ình bé, t trong quá trình mang thai cho n th i i m ph ng v n.

Vì nghiên c u này có th nh h ng n các bé nhi m HIV, gia ình c a bé và toàn xã h i, cho nên o c nghiên c u r t c quan tâm. Nghiên c u này không ch c Chính ph Vi t Nam và Pháp (nhà tài tr nghiên c u) ng h mà y ban o c trong nghiên c u c ng ch p thu n.

H n n a, nhóm nghiên c u c ng ph i l a ch n m t cách c n th n nh ng ng i th c hi n ph ng v n, ph i có kinh nghi m lâu

B ng 2. Công khai thông tin trẻ b nhi m HIV v i hàng xóm, phân theo khu v c c trú và th i gian i u tr t i b nh vì n c a bé

N i c trú	Tr ãng h p m i i u tr (< 3 tháng t phát hi n b nh)						Tr ãng h p i u tr t lâu (10 tháng tr lên)					
	Bi t		Không		T ãng		Bi t		Không		T ãng	
	n	%	N	%	n	%	n	%	n	%	N	%
TPHCM	6	14,6	35	85,4	41	100	47	21,1	176	78,9	223	100
Hà N i	0	0	7	100	7	100	22	33,8	43	66,1	65	100
N i khác	4	8,7	42	91,3	46	100	111	35,0	206	65	317	100
T ãng	10	10,6	84	89,4	94	100	180	29,8	425	70,3	605	100

Ngu n: tài nghiên c u “*Tr ãm nhi m HIV Vi t Nam: các nhâ t xã h i nh h ãng t i t i p c n ch m sóc y t*”, t 8/2009 n 6/2011.

B ng 3. Gia ãnh d ãnh cho hàng xóm bi t bé b nhi m HIV, phân theo khu v c c trú và th i gian i u tr t i b nh vì n c a bé

N i c trú	Tr ãng h p m i i u tr (< 3 tháng t khi phát hi n b nh)						Tr ãng h p i u tr t lâu (t 10 tháng tr lên)					
	Có		Không		T ãng		Có		Không		T ãng	
	n	%	N	%	N	%	n	%	n	%	N	%
TPHCM	1	2,9	34	97,1	35	100,0	0	0	176	100,0	176	100,0
Hà N i	0	0	7	100	7	100,0	0	0	43	100,0	43	100,0
N i khác	2	4,8	40	95,2	42	100,0	4	1,9	202	98,1	206	100,0
T ãng	3	3,6	81	96,4	84	100,0	4	,9	421	99,1	425	100,0

Ngu n: tài nghiên c u “*Tr ãm nhi m HIV Vi t Nam: các nhâ t xã h i nh h ãng t i t i p c n ch m sóc y t*”, t 8/2009 n 6/2011.

HIV hay không, phân theo ã bàn c trú và th i gian bé i u tr t i b nh vì n. i v i c hai tr ãng h p i u tr t lâu (605) và m i i u tr (94), cho th y gia ãnh c a bé c che gi u thông tin bé b nhi m HIV, v i trên 70% i v i tr ãng h p i u tr t lâu và 89,4% i v i tr ãng h p m i i u tr (Xem B ng 2).

i v i nh ãng tr ãng h p hàng xóm ch a bi t thông tin bé b nhi m HIV, khi c h i li u gia ãnh s cho hàng xóm bi t thông tin bé b b nh hay không thì ã ph n tr l i là

“không cho bi t”. Trong ó 96,4% tr ãng h p m i i u tr và 99,1% tr ãng h p ã i u tr c trên 10 tháng (xem B ng 3).

Lý do không mu n cho hàng xóm bi t thông tin bé nhi m HIV là do s b k th ho c b ch ê c i, lý do khác ch chi m t l r t nh (xem B ng 4).

3.3. Chia s v t d ãng c a bé b nhi m v i nh ãng thành viên khác trong gia ãnh

Chúng tôi th y trong gia ãnh không có s k th hay phân bi t i x i v i tr nhi m HIV. i u này th h i n khá rõ nét

B ng 4. Lý do không cho hay cho hàng xóm bi t thông tin bé nhi m b nh HIV, phân theo n i c trú c a bé nhi m HIV

	TPHCM		Hà N i		N i khác		T ng c ng	
	n	%	n	%	n	%	N	%
S b k th , không cho bé ch i cùng	181	85,8	41	87,2	216	87,8	438	86,9
S bé không c i h c, nh h ng vi c h c	0	0,0	3	6,4	1	0,4	4	0,8
S m i ng i bàn tán, ch e c i	11	5,2	0	0,0	7	2,8	18	3,6
S nh h ng n vi c làm c a gia ình	6	2,8	0	0,0	8	3,3	14	2,8
Không mu n ng i khác bi t	5	2,4	0	0,0	3	1,2	8	1,6
c hàng xóm c m thông	1	0,5	3	6,4	4	1,6	5	1,0
Lý do khác	7	3,3	0	0,0	7	2,8	17	3,4
T ng s	211	100,0	47	100,0	246	100,0	504	100,0

Ngu n: tài nghiên c u “*Tr em nhi m HIV Vi t Nam: các nhân t xã h i nh h ng t i tí p c n ch m sóc y t*”, t 8/2009 n 6/2011.

trong vi c các thành viên khác trong gia ình s n sàng chia s vi c s d ng dùng và bát a n u ng c a bé. Trong ó, có 48,5% ang gi t chung qu n áo v i bé và 27,7% là gi t riêng. Tuy nhiên lý do gi t riêng ây không ph i là k th mà vì bé còn nh (Xem B ng 5).

Ngoài ra, vi c bé c n cùng mâm ho c dùng chung bát a v i các thành viên khác trong gia ình chi m t l khá cao.

4. TH O LU N

4.1. Gi u thông tin tr b nhi m HIV và các tr i nghi m v vi c b k th

i v i gia ình tr nhi m HIV, che gi u thông tin này là m t nhu c u c n thi t, t b o v bé và gia ình tr c nh ng k th và phân bi t i x c a c ng ng và thành viên khác trong gia ình. H u nh 100% ng i nhi m HIV và gia ình u có nhu c u che gi u thông tin b nh (xem B ng

3). H ch b c l thông tin khi không th gi u c n a, c ng ch b c l v i m t s ít ng i mà h tin r ng có th giúp h , chi m kho ng 1% (B ng 4). Vi c không chia s thông tin mình b b nh cho ng i khác c ng bình th ng. Tuy nhiên i u b t th ng i v i ng i nhi m HIV là do h s b k th và phân bi t i x . a s nh ng ng i ch i u cho r ng h s gi u thông tin bé b nhi m HIV. K t qu B ng 4 cho th y, h không mu n cho hàng xóm bi t vì s b k th và bé s không c ch i cùng (86,9%) hay i h c cùng v i bé khác (0,8%), ho c s ng i ta bàn tán, ch e c i (3,6%), s m t vi c làm (2,8%).

N i lo s b k th và phân bi t i x c a ng i nhi m HIV và ng i thân c a h không ph i do trí t ng t ng. S k th c th hi n qua ánh m t, thái “xoi mới” và “kính mi t” c a c ng ng; qua vi c không cho bé nhi m HIV n nhà ch i

Bảng 5. Vị trí sống của các dòng họ cá nhân của trẻ nhiễm HIV và các thành viên khác trong gia đình

	TPHCM		Hà Nội		Nơi khác	
	N	%	N	%	N	%
Quê nhà của bé có gì chung với các thành viên khác trong gia đình?						
Gì chung với mọi người	128	48,5	50	69,4	180	49,6
Chỉ lúc gì chung	12	4,5	6	8,3	13	3,6
Gì riêng	73	27,7	6	8,3	83	22,9
Mình nghĩ gì chung còn người nhiễm HIV gì riêng	50	18,9	10	13,9	82	22,6
Ý kiến khác					3	,8
Không biết	1	,4			2	,6
Bé có dùng chung bát đĩa với các thành viên khác trong gia đình?						
Bé có bát đĩa riêng	65	24,6	5	6,9	57	15,7
Chỉ khi bé dùng riêng bát đĩa	14	5,3	3	4,2	21	5,8
Dùng chung với tất cả thành viên trong gia đình	177	67,0	62	86,1	264	72,7
Chỉ dùng riêng cho người nhiễm HIV	8	3,0	2	2,8	19	5,2
Không biết					1	,3
Không trả lời					1	,3
Bé có cùng ăn chung mâm với các thành viên khác trong gia đình?						
Bé quá nhỏ nên không ăn chung	55	21,1	3	4,2	57	15,7
Luôn luôn ăn cùng mâm	185	70,9	68	94,4	293	80,7
Chỉ khi ăn cùng mâm	10	3,8			6	1,7
Ăn riêng	11	4,2	1	1,4	7	1,9
Bé có dùng chung cốc uống nước với các thành viên khác trong gia đình?						
Dùng chung với các thành viên	17	6,4	17	23,6	53	14,6
Chỉ dùng cho người nhiễm HIV	70	26,5	26	36,1	117	32,2
Dùng riêng hoàn toàn	177	67,0	29	40,3	192	52,9
Không biết					1	,3

Nguồn: Tài liệu nghiên cứu "Trẻ nhiễm HIV và gia đình: các nhân tố xã hội ảnh hưởng tới tiếp cận chăm sóc y tế", tháng 8/2009 và tháng 6/2011.

và người chăm sóc con của họ chỉ cùng bé (xem Hình 1).

Số liệu còn thể hiện qua vị trí cho thuê nhà hay chung dãy nhà, vị trí bán hàng cho gia đình và bé nhiễm HIV; gây ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của họ (xem Hình 2).

Gia đình càng gặp khó khăn hơn khi mua sắm đồ đạc cho bé nhiễm HIV cho nhà trọ/trung tâm non họ cho bé tích cực thông. Vì nhà trọ và phụ huynh sợ bé lây bệnh cho bé khác. Do đó, thường gia đình không mua đồ đạc cho nhà trọ bị tình hình bệnh của cháu. Khi nhà trọ bị tích cực thông tin

thì h th ng tìm cách t ch i nh n bé vào (xem H p 3). C ng có khi tr ng nh n, nh ng ph huynh các bé khác l i ph n i, nh tr ng h p 15 bé Trung tâm Mai Hòa vào n m 2009.

Nghiên c u này c ng cho th y có nh ng tr ng h p hi u tr ng nhà tr ng bi t, cô không nh ng nh n bé vào tr ng mà còn ân c n ch d n cho gia ình cách ch m sóc bé. Tuy nhiên, dù bé c n tr ng,

H p 1. Các bi u hi n k th trong chòm xóm (Ph ng v n sâu ng i ch m sóc chính bé V.T)

“Lúc ó s ng kh l m, s ng chòm xóm k th l m, mình i ra c tr m, c ngàn con m t nhìn mình không, lúc ó h ng dám i ra ng luôn ó. Tr i, m y a nh m i i ra ng là ng i ta u i v , ng i ta âu có cho t i nhà ng i ta ch i. Còn nh ng ng i xung quanh hàng xóm, ng i ta kêu con ng i ta thôi ng có ch i v i nó. ng có ch i v i nó, nó b Si a ng có ch i v i nó!”

H p 2. Tì p c n d ch v xã h i (Ph ng v n sâu m bé Ng.Tr)

B t u nh ng ng i chung v i mình t i vì mình nhà thuê ó, nh ng ng i chung v i mình ng i ta lo s này kia, kia n th h t. Ta ph n ng, ng i ta kêu ch nhà u i mình luôn ó. Nói thôi bây gi ch ki m nhà khác ch thuê i, gi ấy h không ng ý ch , ch là ng i ta i h t. Lúc ó th m chí mình c m cái tô ra mua n ng i ta h ng bán n a ó, m y a nh , m y a con c m tô ra mua n ng i ta h ng bán. Ng i ta nói là h t r i, nh ng th c ch t th c n còn y c t mà ng i ta không bán.

vì c các bé khác nói bé b nhi m HIV và khuyên bé khác không ch i cùng c ng nh h ng l n n s phát tri n tâm lý c a bé (xem H p 4). Thái c a nh ng bé này xu t phát t b m chúng, do bi t con h ang h c cùng v i bé nhi m HIV s lầy cho con mình.

Các tr i nghi m v i c b k th và che gi u thông tin trên ấy không gây b t ng i v i chúng ta. K t qu c a nghiên c u này ch kh ng nh l i i u mà m t s nghiên c u i tr c v k th và phân bi t

H p 3. Cho tr nhi m HIV n tr ng (Ph ng v n sâu ông ngo i bé T.N)

“Nói th t v i cô ch nhà tr ng ng i ta tìm m i lý do, lúc u thì ng i ta b o quá t i tr ng, v sau thì im l ng... N m v a r i tôi xin cho nó vào l p 1, thì nói úng ra tr c khi tôi xin vào thì cô Hi u phó y cô c ng không bi t th ng này, cô c ng ti p nh n vào...”

H c c vài tháng, cô Hi u tr ng bi t c. Ch c là ng i ta c ng xì xào v i nhau, bên ngoài ng i ta bi t. Cô y nói bây gi cho cháu h c ấy ng i ta nói ng òi ta b h t, ng i ta không dám cho con ng i ta h c n a”.

H p 4. B n h c c a tr k th không ch i cùng (Ph ng v n sâu m bé T.D)

“Nè m , con nói cho m nghe nè. Th ng Bin a-t i... nó ch i v i con, r i con nói thôi mà y ch i mà y ánh tao hoài, tao au quá à, tao không ch i n a. R i con ang i ch i v i m y b n con thì nó nói v i m y b n con sao bi t không m , nó nói: “M y a bây ng ch i v i th ng này, th ng này nó b Si a ó. M coi nó nói k không?”. Th ng con tui nó nói v y thôi”.

ix iv ing i nhi m HIV/AIDS và gia ình h ìt Nam ã công b (Lisa Maher, 2002; Khu t Thu H ñg, 2009; Khu t Thu H ñg và Nguy n Th Vân Anh, 2004; Nguy n Thu Anh, 2007). ì m khác bi t mà nghiên c u này s bàn n là: 1) Mô th c gi m k th và phân bi t ix ; 2) Xác nh m c ích và ì t ñng c a công tác thông tin, tuyên truy n.

4.2. Các mô th c gi m k th và phân bi t ix

Khi b nhi m HIV/AIDS, m i ng ì có m t cách riêng tránh/gi m s k th và phân bi t ix c a c ng ñg và gia ình. D a trên k t qu c a nghiên c u này, chúng tôi li t kê l i n m mô th c mà h ã th c hi n sau ây.

Mô th c th nh t là *né tránh*. Mô th c này c nh ng ñg ì mu n che gi u thông tin bé nhi m HIV s ñng. Nó g m có 5 m c che gi u, t ch ch có ñg ì ch m sóc bi t cho ñn m c t t c thành viên và chính quy n u bi t thông tin bé nhi m HIV (xem B ñg 5). N u l a ch n m c th nh t, t c ch ñg ì ch m sóc

H p 5. Chuy n ch tránh k th (Ph ñg v n sâu m bé T.V)

“Lúc ó ñg ì ta k th ñ quá. Ng ì ta xa lánh gia ình em, hàng xóm x m xì ñ l m, nói gia ình Si a, không cho l i g n. Th y mình là h tránh xa. Con em ì h c ñg ì ta không nh n, mà nói th ñg là con em b Si a, n u nh n thì ph huynh h không cho con h c tr ñg này n a. Kh quá! Ch u không n ì, em m ì chuy n v quê n ì nó ñ ñ C n Giu c, Long An. ó em không cho ai bi t là mình b nh”.

bi t, h có th tránh c k th (0), nh ñg s g p nhi u khó kh n v m t tâm lý (t k th), thi u s giúp và khó kh n v kinh t . N u t ñng m c (t c có thêm ñg ì bi t) thì kh n ñg b k th s t ñg thêm; nh ñg nh ñg khó kh n khác l i gi m xu ñg.

Mô th c th hai là *di chuy n*. Mô th c này c ñùng khi gia ình không ch u n ì s k th và phân bi t t t i n ì, bu c h ph ì di chuy n sang ch m ì (xem H p 5). ì v ñnh ñg ñg ì thu c nhóm này, ì s ñg v t ch t và tinh th n c a h b t n th ñg ñh ñu, ì u ki n ch m sóc bé s

H p 6. Ph n kháng gay g t s k th (Ph ñg v n sâu bà ñgo ì bé V.H)

“Ng ì ta nói sao thì nói, lúc ó mình nóng. ì bi t SIDA thì tránh xa ì. Cho con cháu mày không ch ì thì thôi, còn con cháu tui nó v y. Nó x u v y k nó. Nói v y ó. Ng ì ta nói ñh ñu khi mình n ñ nóng lên mình nói: Bâ y gi mu n Si a không h ? Mai m t ch ñg mày c ñg ñnh y ñ ñ ra Si a không a này b a sau c ñg b, ñg có nói v y. Lúc u bi t nó b nhi m thì ñg ì ta tránh xa. Rì t r i ñg ì ta h ñg th y gì ñu cái ñg ì ta c ñg coi bình th ñg thôi. Thì c ñg kéo dài 5-7 tháng 1 n m v y ó, c ñg nh ñg ì ta... h ñ ó v y thôi. Bâ y gi t ñg ì ta có nói x u mình thì ñg ì ta nói sau l ñg mình, ch ñu nói tr c m t mình ñu. Mình th y thái ñg ì ta ñ v ñ mình, v ñ cháu mình ñg ì ta c ñg t t này kia ph ì không, ñg nh v y. Bâ y gi thì c ñg bình th ñg r ñ. H c ñg hi u r ñ ñ thì h c ñg th ñg, h c ñg ñ ñ ñ cho con cái h ch ñ v ñ cháu mình r ñ, ch không còn nh tr c kia n a.

khó khăn hơn.

Mô thức thứ ba là *chủ ngữ*. Mô thức này có hai mục là: 1) Cam chủ b míng i k th, và 2) Ch p nh n s k th c a ng i khác. Do thái i v i v i c b k th khác nhau, nên h b nh h ng v tâm lý khác nhau, và m c t k th cam ch u s cao h n (xem B ng 6).

Nói chung, nh ng ng i theo ba mô thức u s g p khó kh n v tâm lý nhi u h n, vì th h r t c n t v n tâm lý giúp . Do ó, nh ng n i ch m sóc và i u tr cho bé nhi m HIV c n ph i có bác s tâm lý cho c ng i l n và tr em nhi m HIV/AIDS.

Mô thức thứ t là *i u*. Mô thức này có

hai mục là: 1) Ph n kháng gay g t, 2) Tranh lu n d a trên pháp lu t và s tr giúp c a chính quy n a ph ng (xem B ng 6). Tuy ph n kháng gay g t là m t cách i di n v i k th khá thành công nh ng cách này gây thêm xung t và t ng s nghi ng v i hàng xóm, làm h ph i ch u s k th khá lâu dài (xem H p 6).

Trong mô thức này, nh ng ng i l a ch n cách hai s nhanh chóng gi i quy t c s k th và s m nh n c s giúp , c m thông h n. D a vào pháp lu t thì có th v t qua k th nhanh, nh ng lâu nh n c s giúp th c tâm (xem H p 7).

Vì th , cách gi i quy t d a vào s can

B ng 6. Mô thức hành x v i s k th và khó kh n

Mô thức và mục	Khó kh n tâm lý	Thi u s giúp	Khó kh n kinh t	K th
1. Né tránh				
- Ch ng i ch m sóc bé bi t	xxxxx	xxxxx	xxxxx	0
- B m /ng i ch m sóc bé bi t	xxxx	xxxxx	xxxxx	0
- B m /ng i ch m sóc bé và m t s thành viên c a gia ình bi t	xxx	xxxx	xxxx	x
- B m /ng i ch m sóc bé và t t c thành viên gia ình n i ngo i liên quan bi t	xx	xxx	xxx	xx
- B m /ng i ch m sóc bé/t t c thành viên gia ình n i ngo i và chính quy n bi t	xx	xx	xx	xxx
2. Di chuy n	0	0	0	0
3. Chủ ngữ				
- Cam ch u	xxxx	x	x	xx
- Ch p nh n	xx	x	x	xx
4. i u				
- Ph n kháng gay g t	xx	x	x	xxx
- Tranh lu n d a trên pháp lu t và nh s can thi p c a chính quy n	x/0	x/0	0	x/0
5. V t qua s k th				
- Không gi u ai h t, tích c c tham gia ho t ng tuyên truy n trong c ng ng	0	0	0	x/0

Chú thích: X = m c khó kh n (càng nhi u X càng khó kh n), 0 = không khó kh n, X/0 = ban u có khó kh n, sau không khó kh n.

thi p c a chính quy n, giúp ng i dân nâng cao nh n th c v HIV/AIDS, s có c k t qu t t h n (H p 8).

Cách làm gi m b t s k th nh s can thi p c a chính quy n, oàn th trên ây ch ng t có hi u qu r t t t. Ng i dân sau khi c nâng cao hi u bi t ã chuy n t thái k th sang thông c m và giúp nh ng ng i có HIV m t cách hi u qu .

Mô th c th n m là *v t qua s k th*. Mô th c này thích h p v i nh ng ng i m nh m và dám ng u. Khá nhi u ng i ã tham gia ho t ng các nhóm c a nh ng ng i nhi m HIV/AIDS. N u Nhà n c khuy n khích c nhi u ng i theo mô th c này là thành công nh t. H có th s ch u s k th giai o n u, nh ng v sau h s em l i c nhi u l i ích cho chính h , cho gia ình và c ng ng (B ng 6). Tr ng h p i n hình thành công là c a ch Ph m Th Hu , ng i thành l p Nhóm Hoa ph ng .

4.3. Xác nh m c ích và i t ng c a công tác thông tin, tuyên truy n

K t qu nghiên c u cho th y, khâu tuyên truy n là r t quan tr ng; nh ng khâu này c a Nhà n c còn r t y u và mang tính

H p 7. Tìm s ng thu n d a trên pháp lu t.

“Nói th t v i cô ch tôi không cho [cháu] ngh [h c] mà n u cô cho ngh cô vi t ký vào gi y. Th là tôi làm. Tôi mang lên Phòng Giáo d c ký vào ây. Tôi mang h n lên t nh. Tôi nói th c tôi vào y ban, T nh y. Tôi không s , tôi không nh ngu i khác... Xong r i các cô y im. Các cô y không nói gì nh ng v sau thì cho riêng cháu m t mình cháu ng i m t bàn.

chung chung. Nhi u nghiên c u tr c ây (Khu t Thu H ng, 2009; Khu t Thu H ng, Nguy n Th Vân Anh và Ogden, 2004; Maher, 2007) cho th y: th i i m u ch a có thu c i u tr thì vi c g n các hình nh ch t chóc và t n n xã h i v i HIV/AIDS t ra có k t qu ng n ch n d ch này lan nhanh; nh ng c ng chính cách tuyên truy n ó ã làm t ng s k th và phân bi t i v i ng i nhi m HIV/AIDS. Vì th , gi ây n u không c n th n thì chúng ta s d i qua thái c c ng c l i, làm “bình th ng hóa” b nh này, khi n cho b nh d ch phát tri n nhanh h n. Chính sách h p lý ph i i theo con ng “trung dung”; v a b o v c quy n và l i ích c a ng i nhi m HIV/AIDS, v a b o v c l i ích c a c c ng ng. Không thu c nghiên c u này, nh ng chúng tôi c ng ã nghe nhi u tr ng h p ng i nhi m tìm cách truy n HIV vào trong c ng ng. Chính nhân viên y t ch m sóc b nh nhân HIV nói, h bi t ng i b nh c a h ang c tình gieo r c HIV qua ng m i dâm; nh ng

H p 8. Nh chính quy n can thi p v t qua k th (Ph ng v n sâu m bé Ng.Tr)

“Ch th y m i ng i k th d quá, ch và m y a nh ch u không n i n a, ch m i ch y xu ng khóc lóc v i cô t tr ng. Cô t tr ng nghe v y m i m i h p dân ph , nh ng ng i làm gi ng nh tuyên truy n viên ó, ng i ta m i h p l i v i H i Ph n . Ng i ta h p l i ng i này nói m t ti ng, ng i kia nói m t ti ng, ng i ta m i nguôi ngoai t t . Nh hàng xóm ng i này ng i kia giúp , ngu i này cho chút nh ti n, ng i kia cho chút nh g o. R i ch m i b t u tìm vi c làm m i có ti n ph nuôi m y a nh ”.

lu t pháp l i b o v quy n bí m t thông tin c a b nh nhân ó, nên h không dám báo công an. Chúng tôi cho r ng, ây là l i c a thông tin, tuyên truy n, ch pháp lu t c a Nhà n c hoàn toàn không b o v hành vi này.

Do ó, Nhà n c c n ph i chú tr ng vào công tác thông tin, tuyên truy n nhi u h n n a; ph i có cách làm riêng cho t ng nhóm i t ng c th . Theo chúng tôi, có các nhóm chính sau ây ph i c thông tin, tuyên truy n theo nh ng cách riêng: 1) Cán b y t . 2) B n thân ng i b nhi m (tr tr em còn nh). 3) Gia ình và ng i thân c a h . 4) Chính quy n và hàng xóm. 5) Tr ng h c. 6) N i s d ng lao ng có ng i nhi m HIV/AIDS. 7) Nhóm tuyên truy n c a nh ng ng i nhi m HIV/AIDS. Hình th c thông tin, tuyên truy n c ng nên phù h p, a d ng và gây n t ng t t. N i dung c a thông tin, tuyên truy n thì không ch g m các hi u bi t liên quan n HIV/AIDS, mà còn g i lên cách các nhóm này s hành x trong các tình hu ng khác nhau liên quan n vi c k th và phân bi t i x . Các thông tin và tuyên truy n c a chúng ta n nay v n ch a t v n c cho các nhóm khác nhau x lý các tình hu ng liên quan n k th và phân bi t i x nh th nào.

Tóm l i, d a trên k t qu nghiên c u này, chúng tôi th y làm gì m k th và phân bi t v i tr nhi m HIV, Nhà n c ph i chú ý ít nh t hai i m quan tr ng: (1) C n có bác s tâm lý xã h i các i m ch m sóc và i u tr bé nhi m HIV/AIDS, giúp ng i nhi m HIV/AIDS l a ch n mô th c làm gì m k th phù h p theo tính cách và i u ki n c a b n thân và gia ình h ; (2)

Xác nh m c ích và i t ng c a thông tin, tuyên truy n a ra các ph ng án h p lý.

5. K T LU N

Nghiên c u này cho th y tình tr ng k th và phân bi t i x i v i ng i có HIV/AIDS hi n nay tuy có gì m nh ng v n còn m c khá cao. T k th c a b n thân và thái k th c a c ng ng và gia ình nh h ng r t l n n i s ng c a tr nhi m HIV. S k th và phân bi t i x ng n c n các em c n tr ng, c ch m sóc s c kh e, và nh h ng n các sinh ho t và vui ch i c a tr . Do ó, cho n nay a s ng i tr l i v n còn l a ch n ph ng án che gi u thông tin, hay là i theo mô th c NÉ TRÁNH s k th .

Tuy nhiên, chúng tôi cho r ng vi c che gi u thông tin theo mô th c *né tránh* hay *di chuy n* hoàn toàn không có l i cho bé, cho gia ình và cho xã h i. Do ó, Nhà n c nên khuy n khích ng i nhi m HIV l a ch n các mô th c khác. giúp ng i nhi m HIV/AIDS và gia ình h trong vi c l a ch n m t mô th c h p lý (B ng 6), các i m ch m sóc và i u tr ng i nhi m HIV c n có bác s tâm lý xã h i tr giúp.

K t qu nghiên c u c ng cho th y vai trò c a chính quy n, các t ch c oàn th a ph ng, và tính ch ng c a các nhóm ng i nhi m HIV/AIDS là r t quan tr ng. i u này c th hi n qua mô th c I U và mô th c V T QUA S K TH (B ng 6). K t qu c ng cho th y: tuyên truy n viên khi k t h p c v i chính quy n và oàn th a ph ng thì s t o ra s thay i v thái k th r t nhanh. Do ó, vi c thông tin và tuyên truy n c n ph i c th h n cho t ng nhóm i t ng/ch

th khác nhau trong vì c gì m k th và phân bi t i x v i ng i nhi m HIV/AIDS. Tuy s k th i v i tr nhi m HIV hi n nay v n còn khá l n, nh ng các thành viên trong gia ình u ã t ra c m thông và th ng tr h n. H tìm m i cách tr không chu s k th c a c ng ng. Còn trong gia ình thì h u nh không có s k th nào, m i sinh ho t hay dùng c a tr có HIV u c chia s v i các thành viên khác trong gia ình.

Cu i cùng, chúng tôi cho r ng gì m c s k th c a c ng ng và gia ình i v i tr có HIV/AIDS, c n có s can thi p c a các c quan Nhà n c, t ch c oàn th và t ch c xã h i dân s . N u chúng ta có nh ng ch ng trình can thi p kp th i, c ng v i nh ng chính sách tuyên truy n v ki n th c HIV/AIDS h p lý n v i m i ng i dân, thì tình tr ng k th và phân bi t i x v i ng i có HIV/AIDS s gì m nhanh, b o v c quy n và l i ích h p pháp c a tr có HIV/AIDS. □

TÀI LI U THAM KH O

1. Fee, Nancy. 2004. *K th và phân bi t i x liên quan n HIV/AIDS Vi t Nam*. UNAIDS Vi t Nam. http://www.unaids.org.vn/resource/topic/stigma/ppt_stigma_discrimination_nancy_apr04_v.pdf.
2. ILO. 2004. *Gì m thi u k th và phân bi t i x liên quan n HIV/AIDS t i n i làm vi c c a Vi t Nam*. <http://www.unaids.org.vn/resource/topic/stigma/hivemplv.pdf>.
3. Khu t Th H i Oanh. 2007. *Ng u v i HIV/AIDS Vi t Nam t góc nhìn c a xã h i dân s*.
4. Khu t Th H i Oanh, Kim Ashburn, Julie Pulerwitz, Jessica Ogden và Laura Nyblade.

2008. *C i thi n ch t l ng ch m sóc trong b nh vi n Vi t Nam thông qua gì m k th và phân bi t i x liên quan n HIV*. Báo cáo ch ng trình Horizons. Washington DC.

5. Khu t Thu H ng và Nguy n Th Vân Anh. 2004. *Tìm hi u s k th và phân bi t i x liên quan t i HIV/AIDS Vi t Nam*. Hà N i: Nxb. Th ng kê.

6. Khu t Thu H ng và c ng s . 2008. *K th và phân bi t i x liên quan n tr b nh h ng b i HIV/AIDS*. Qu c u tr tr em Th y S. Hà N i.

7. Khu t Thu H ng. 2009. *Báo cáo c ng ng i phó v i k th liên quan n HIV Vi t Nam*. Hà N i: Nxb. Ph n .

8. Maher, Lisa. 2002. *Ng b chúng tôi l i nh v y: Dân t c h c và tiêm chích ma túy trong k nguyên AIDS*. i h c New South Wales, Sydney, Australia.

9. Nguy n Chí D ng. *Quy n lao ng c a ng i nhi m HIV/AIDS và quy n c a ng i s d ng lao ng - Th c tr ng và cách gì i quy t*. Các công trình nghiên c u khoa h c v HIV/AIDS giai o n 2000-2005. Hà N i. B Y t .

10. Nguy n Thu Anh. 2007. *Towards a Continuum of Care for Mother and Children (Exploring Prevention of Mother to Children Transmission Programs in Ha Noi and Thai Nguyen)*. Amsterdam School for Social and Science Research. University of Amsterdam. http://www.mcnv.nl/uploads/media/BOOK_Care_for_Mother_and_Child.pdf.

11. Parker, Richar and Peter Aggle. 2003. *K th và phân bi t i x liên quan n HIV/AIDS: khuôn kh khái ni m và nh ng hàm ý hành ng*. Khoa Khoa h c Y t xã h i. i h c Columbia. New York. USA.

12. Thiên Ch ng. 2009. <http://vnexpress.net/gl/xa-hoi/2009/08/3ba12773/>, ngày 17/8/2009.

(Xem ti p trang 18)

(Tiếp theo trang 31)

13. Ủy ban Quốc gia (Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mĩ dâm). 2010. Báo cáo đánh giá chỉ số quốc gia phòng, chống HIV/AIDS năm 2010 và tầm nhìn 2020.

http://vaac.gov.vn/Desktop.aspx/Noi-dung/Xay-dung-CLPC-HIVAIDS-QG-2020-2030/Bao_cao_DANH_GIA_CHIEN_LUOC_QUOC_GIA_PHONG_CHONG_HIVAIDS_DEN_NAM_2010_VA_TAM_NHIN_2020/ .